TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH** L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2020/DS-PT
Ngày : 31 - 12 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng
Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh L: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 358/2020/QĐ-PT ngày 23/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 389/QĐ-PT ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 L, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông Tiết Văn T; chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 02 L, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Lưu Vũ C; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh B LII. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Tất T, thị trấn L, huyện B, tỉnh L.

Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2014.

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc S, sinh năm: 1991; Vắng mặt.

Bà Ka G, sinh năm: 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Huy C, sinh năm: 1991; Vắng mặt.

Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh L.

2. Ông Hoàng Đình T, sinh năm: 1976; Có mặt.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N:

Ông Hoàng Đình T, sinh năm: 1976; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N:

Luật sư Đỗ Văn B- Chi nhánh Văn phòng luật sư Hthuộc Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: 1367A P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình T, bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Lưu Vũ C trình bày:

Ngày 06/8/2018, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh B LII và vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G có ký Hợp đồng tín dụng số 5495-LAV-201804446 để vay số tiền 450.000.000đ; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay để đầu tư phục vụ nông nghiệp.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ngày 06/8/2018 vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018-3347 để thế chấp các tài sản là đất + tài sản trên đất theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Toàn bộ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 23, diện tích 7.077m^2 đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã L, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 559139 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/9/2017.

- Toàn bộ thửa đất số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 7.857m^2 đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã L, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 487195 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/7/2018.

Đến hạn, vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G không trả nợ và cũng không đồng ý bàn giao tài sản đã thế chấp để ngân hàng tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì vậy Ngân hàng N - Chi nhánh B LII yêu cầu vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải trả số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020 là 111.912.328đ. Tổng cộng là 561.912.328đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi kể từ ngày 10/9/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc trên. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản mà hai bên đã ký để đảm bảo cho việc thi hành án.

** Bị đơn bà Ka G trình bày:*

Bà Ka G nhất trí với lời trình bày của ngân hàng. Bà Ka G đồng ý về nội dung vợ chồng bà có vay và còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và lãi còn thiếu. Bà Ka G đồng ý trả nợ cho ngân hàng và đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý theo quy định. Đối với việc trước khi thế chấp tài sản cho ngân hàng thì vợ chồng ông Sơn, bà Ka G có viết giấy tay bán đất cho vợ chồng ông T, bà N và vợ chồng ông Cường, bà Hòa thì bà Ka G không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Bị đơn ông Trần Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Trần Huy C, bà Vũ Thị H trình bày:*

Ngày 19/7/2018, vợ chồng ông Sơn, bà Ka G có viết giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông Cường, bà Hòa diện tích đất khoảng 6.000m^2 thuộc thửa đất số 54 + 55, tờ bản đồ số 23 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Sơn, bà Ka G. Vợ chồng ông Cường, bà Hòa đã thanh toán đủ tiền và nhận đất canh tác sử dụng từ đó cho đến nay. Vợ chồng ông Cường, bà Hòa đồng ý giao tài sản cho ngân hàng xử lý theo quy định và không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì của ông Cường, bà Hòa trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Hoàng Đình T, bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Đầu năm 2018, vợ chồng ông Sơn, bà Ka G có viết giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà N diện tích đất khoảng 2.000m^2 thuộc thửa đất số 54 + 55, tờ bản đồ số 23 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Sơn, bà Ka G. Vợ chồng ông T, bà N đã thanh toán đủ tiền và nhận

đất canh tác sử dụng từ đó cho đến nay. Vợ chồng ông T, bà N đồng ý giao tài sản cho ngân hàng xử lý theo quy định và không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì của Trường, bà N trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh B LII có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh B LII đối với vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh B LII tổng số tiền là 561.912.328đ. Trong đó: Số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và tiền lãi là 111.912.328đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018-3347 ngày 06/8/2018 đã ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh B LII với vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình T, bà Nguyễn Thị N kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B. Ông T, bà N yêu cầu giải quyết lại toàn bộ vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N. Yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp tài sản đối với diện tích đất mà ông Trần Ngọc S, bà Ka G đã bán cho ông T, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N là luật sư Bảy đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N vì ông T, bà N là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích đất mà ông Sơn, bà Ka G đã thế chấp tại ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ltham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải trả số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020 là 111.912.328đ. Tổng cộng là 561.912.328đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi kể từ ngày 10/9/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc nêu trên. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản mà hai bên đã ký để đảm bảo cho việc thi hành án. Còn bị đơn bà Ka G thống nhất nội dung vợ chồng bà có vay và còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và lãi còn thiếu. Bà Ka G đồng ý trả nợ cho ngân hàng và đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý theo quy định. Riêng bị đơn ông Sơn là chồng của bà Ka G do vắng mặt tại địa phương nên không thực hiện được thủ tục bàn giao tài sản đã thế chấp để ngân hàng tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B là có căn cứ.

Xét kháng cáo của ông T, bà N:

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/5/2020 (bút lục số 67) thể hiện nội dung: Ông T, bà N khai: Vào khoảng đầu năm 2018 thì vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng 2 sào đất của vợ chồng ông Sơn, bà Ka G. Khi nhận chuyển nhượng đất thì hai bên chỉ ghi diện tích mà không ghi tứ cận hay số lô, số thửa. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông bà trực tiếp canh tác, sử dụng diện tích đất. Đến khoảng tháng 7/2018 thì vợ chồng ông Cường, bà Hòa có nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Sơn, bà Ka G và ông Cường, bà Hòa sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng giáp ranh với diện tích đất của ông bà. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 24/4/2020 thì ông bà không có mặt. Tuy nhiên, có ông Cường là chủ đất giáp ranh với đất của ông bà nên ông bà mới xác định được diện tích đất 2 sào mà ông bà nhận chuyển nhượng của ông Sơn, bà Ka G mà hiện nay ông bà đang quản lý, sử dụng là thuộc thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 23 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sơn, bà Ka G. Vợ chồng ông bà đồng ý giao diện tích đất trên và tài sản trên đất để Ngân hàng N xử lý. Nếu sau này phát sinh việc tranh chấp giữa vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Sơn, bà Ka G thì vợ chồng ông bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Do bận công việc nên vợ chồng ông bà xin

vắng mặt tại các buổi làm việc, các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong các buổi xét xử tại Tòa án nhân dân huyện B.

Trong suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì ông T, bà N không có bất cứ đơn khởi kiện độc lập nào để yêu cầu Tòa án giải quyết đến quyền lợi hợp pháp của ông T, bà N và ông T, bà N cũng thừa nhận không phát sinh tranh chấp và sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện ông Sơn, bà Ka G bằng một vụ án khác.

Bản thân bà Ka G cũng thừa nhận trước khi thế chấp tài sản cho ngân hàng thì vợ chồng ông Sơn, bà Ka G có viết giấy tay bán đất cho vợ chồng ông T, bà N và vợ chồng ông Cường, bà Hòa mỗi bên một diện tích đất nhưng bà Ka G không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, quyết định bất cứ nội dung nào liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N.

Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *"Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị".*

Như vậy, do Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết bất cứ nội dung nào liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét đến yêu cầu của ông T, bà N. Trường hợp ông T, bà N có tranh chấp thì ông T, bà N có quyền khởi kiện ông Sơn, bà Ka G bằng một vụ án khác.

Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cường, bà Hòa đều không kháng cáo nên nội dung kháng cáo của ông T, bà N về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp tài sản đối với diện tích đất mà ông Trần Ngọc S, bà Ka G đã bán cho ông T, bà N thì không liên quan đến phần quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, sau này nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản thế chấp tại ngân hàng thì các đương sự sẽ được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Với những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh B LII đối với vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông T, bà N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Đình T, bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa nguyên đơn Ngân hàng N; bị đơn ông Trần Ngọc S, bà Ka G, cụ thể như sau:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh B LII đối với vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh B LII tổng số tiền là 561.912.328đ (*Năm trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng)*. Trong đó, số tiền nợ gốc là 450.000.000đ và tiền lãi là 111.912.328đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2018-3347 ngày 06/8/2018 đã ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh B LII với vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G để đảm bảo thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Ka G phải chịu 26.476.000đ (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N - Chi nhánh B LII không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N - Chi nhánh B LII được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.026.000đ (*Mười hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019534 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Hoàng Đình T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà ông T, bà N đã tạm nộp

theo biên lai thu số 0019845 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự (06);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Hữu Nhân